



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CHO KỶ KẾ TOÁN QUÝ 2 NĂM 2024 KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 38

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc

#### Kế toán trưởng

Ông Phạm Xuân Phương	Trưởng ban TCKT
----------------------	-----------------

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán quý 2 năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, ✓



**Vũ Hoàng Thao**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=100+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>92.398.877.561</b>	<b>106.809.384.081</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>04</b>	<b>11.530.117.184</b>	<b>15.428.797.705</b>
Tiền	111		10.530.117.184	9.628.797.705
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	5.800.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>75.165.910.905</b>	<b>85.767.321.149</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	05	78.804.443.365	86.156.014.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	09	14.825.791.353	16.590.758.592
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	06	42.360.137.132	44.580.566.860
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	05	(68.824.460.945)	(69.560.019.179)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.122.007.515</b>	<b>2.917.691.420</b>
Hàng tồn kho	141	07	3.122.007.515	2.917.691.420
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.580.841.957</b>	<b>2.695.573.807</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	08	1.345.136.476	1.680.303.604
Thuế GTGT được khấu trừ	152		436.963	68.615.132
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.235.268.518	946.655.071
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>557.396.548.722</b>	<b>534.169.186.845</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.760.467.642</b>	<b>2.307.100.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	06	6.760.467.642	2.307.100.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.343.243.449</b>	<b>46.976.849.460</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10.1	48.199.533.384	46.776.181.219
Nguyên giá	222		159.015.928.055	154.738.976.824
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.816.394.671)	(107.962.795.605)
Tài sản cố định vô hình	227	10.2	143.710.065	200.668.241
Nguyên giá	228		1.044.981.600	1.044.981.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(901.271.535)	(844.313.359)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>268.187.825.797</b>	<b>249.112.818.755</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	268.187.825.797	249.112.818.755
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>230.063.451.796</b>	<b>232.625.400.556</b>
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	12.2	65.727.821.601	69.712.905.954
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12.3	166.510.480.470	165.087.344.877
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.174.850.275)	(2.174.850.275)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.041.560.038</b>	<b>3.147.018.074</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	08	3.733.311.378	3.147.018.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	308.248.660	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>649.795.426.283</b>	<b>640.978.570.926</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>316.870.437.406</b>	<b>305.328.652.400</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>241.572.197.078</b>	<b>242.358.699.167</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.794.259.476	9.946.729.468
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		92.838.265	290.904.731
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.818.860.416	761.834.107
Phải trả người lao động	314		3.143.952.622	5.004.744.328
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	10.066.620.616	8.509.003.544
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		372.400.000	80.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	125.271.736.430	124.819.422.959
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	92.874.595.806	92.769.926.583
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		136.933.447	176.133.447
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>75.298.240.328</b>	<b>62.969.953.233</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		4.655.445.480	4.462.999.200
Phải trả dài hạn khác	337	17	67.102.911.525	54.967.070.710
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	3.539.883.323	3.539.883.323
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>332.924.988.877</b>	<b>335.649.918.526</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>332.924.988.877</b>	<b>335.649.918.526</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(76.419.153.915)	(74.089.009.393)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.747.887.594)	(77.215.396.656)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.328.733.680	3.126.387.263
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.344.142.792	49.738.927.919
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>649.795.426.283</b>	<b>640.978.570.926</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Quý 2 năm 2024*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2024	Quý 2/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 30/06/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 30/06/2023
			VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>36.824.407.894</b>	<b>42.352.978.557</b>	<b>74.080.828.002</b>	<b>81.407.770.980</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>36.824.407.894</b>	<b>42.352.978.557</b>	<b>74.080.828.002</b>	<b>81.407.770.980</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	29.926.463.460	35.271.973.242	60.661.491.098	67.547.825.244
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>6.897.944.434</b>	<b>7.081.005.315</b>	<b>13.419.336.904</b>	<b>13.859.945.736</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.195.084.049	3.039.824.387	1.283.167.461	3.214.034.945
Chi phí tài chính	22	24	1.211.687.480	1.338.623.946	2.244.157.834	2.551.733.726
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.170.717.714</i>	<i>1.264.634.180</i>	<i>2.053.675.448</i>	<i>1.777.304.010</i>
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		954.200.000		954.200.000	
Chi phí bán hàng	25	25		529.285.753		1.115.263.595
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.607.311.265	16.684.786.286	10.832.568.702	21.459.397.960
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.228.229.738</b>	<b>(8.431.866.283)</b>	<b>2.579.977.829</b>	<b>(8.052.414.600)</b>
Thu nhập khác	31	26	867.094.691	711.267.081	945.281.869	711.281.033
Chi phí khác	32	26	303.988.373	325.673.505	427.025.203	525.156.505
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>26</b>	<b>563.106.318</b>	<b>385.593.576</b>	<b>518.256.666</b>	<b>186.124.528</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.791.336.056</b>	<b>(8.046.272.707)</b>	<b>3.098.234.495</b>	<b>(7.866.290.072)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		380.512.775	259.743.187	661.311.643	538.452.569
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(46.187.839)	-	(46.187.839)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.457.011.121</b>	<b>(8.306.015.894)</b>	<b>2.483.110.692</b>	<b>(8.404.742.641)</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.787.873.749	(8.877.775.041)	1.328.733.680	(9.394.004.723)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		669.137.372	571.759.147	1.154.377.012	989.262.082
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>50</b>	<b>(247)</b>	<b>37</b>	<b>(261)</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Phương

Tổng giám đốc



Vũ Hoàng Thao



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2024 VND	kết thúc ngày 30/06/2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		3.153.190.773	(7.866.290.072)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.273.599.066	4.777.220.345
- Các khoản dự phòng	03		(735.558.234)	10.520.580.728
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		190.482.386	35.589.766
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.937.467.585)	(3.632.617.044)
- Chi phí lãi vay	06		2.053.675.448	2.477.743.960
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		4.997.921.854	6.312.227.683
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.663.165.558	8.657.688.758
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(204.316.095)	3.010.636.470
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.811.188.154	(4.743.830.054)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(243.255.057)	(50.118.394)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(474.567.642)	(1.345.726.462)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(673.222.888)	(849.453.712)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(169.347.502)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		17.876.913.884	10.822.076.786
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.879.640.598)	(1.084.874.038)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		637.272.727	710.454.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.930.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1.547.196.846	(1.960.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.300.194.858	3.026.911.526
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(20.394.976.167)	3.622.492.033

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2024	kết thúc ngày 30/06/2023
			VNĐ	VNĐ
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		4.970.000.000	15.931.200.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.865.330.777)	(17.294.790.544)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.487.251.355)	(1.699.439.852)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.382.582.132)	(3.063.030.396)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.900.644.415)	11.381.538.423
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	15.428.797.705	12.619.299.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.963.894	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	11.530.117.184	24.000.837.549

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ.

Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật:

Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hoàng Thao - Tổng Giám đốc

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;  
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;  
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.  
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì giấy và bìa;
- Xây dựng nhà để ở, xây dựng nhà không để ở;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình điện;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp (loại nhà nước cho phép)  
(Không bao gồm bán buôn tổng hợp với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ ăn uống khác;  
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;  
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Công thông tin;  
(Trừ hoạt động báo trí).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa  
(Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài; không bao gồm đại lý, môi giới hàng hóa là lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô, dầu đã qua chế biến, kim loại quý và đá quý, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu, sách, báo và tạp chí, dược phẩm, thuốc nổ
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;  
(Trừ dược phẩm, sách, báo và tạp chí, vật phẩm ghi hình trên mọi chất liệu).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;  
(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;  
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;  
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;  
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;  
Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;  
(Chi tiết: Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà nước cấm))
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
  - Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
  - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
  - Đại lý du lịch;
  - Đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng;
  - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền).
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
  - Quảng cáo;
  - Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
  - Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
  - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
  - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;  
(Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm));
  - Vận tải hành khách đường bộ khác;  
(Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức);
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ( không bao gồm kim loại quý, đá quý);
  - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống ( không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà)
  - Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không bao gồm lúa gạo)
  - Bán buôn thực phẩm ( không bao gồm đường mía, đường củ cải);
  - Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

**Đơn vị**

---

**A. Các Công ty con**

**Các Công ty con sở hữu trực tiếp**

1. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây
2. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình
3. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế

**Các Công ty con sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình**

1. Công ty TNHH Logistics Interserco – Vật Cách

**B. Các Công ty liên doanh, liên kết**

**Các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp**

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế
2. Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế
3. Công ty May Liên doanh Plummy
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam
5. Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp
6. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam
7. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam

**Các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây**

1. Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân
2. Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được hợp nhất từ báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho giai đoạn từ 01/04/2023 đến 30/06/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện giao dịch nội bộ, các khoản giao dịch nội bộ giữa các công ty con và công ty mẹ và các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các khoản lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 04 Công ty con bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Công ty mẹ);
2. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây;
3. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình;
4. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế;
5. Công ty TNHH Logistics Interserco – Vật Cách.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Do không thu thập được các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết nên các khoản đầu tư này được kế toán theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Lợi nhuận được chia hàng năm từ các khoản đầu tư tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bán cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

**3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08

**3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành. Các chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**3.11 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**3.13. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

**3.14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ.

**3.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế. Trong đó, phần vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

**3.16. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.18. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này; các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.356.394.122	1.352.791.758
Tiền gửi ngân hàng	6.173.723.062	8.276.005.947
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	5.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	1.000.000.000	5.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>11.530.117.184</b>	<b>15.428.797.705</b>

(\*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 4,6%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>88.430.036.397</b>	<b>97.281.607.908</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Xuất khẩu Thiện Tài	24.353.472.000	24.353.472.000
Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	12.778.342.970	13.078.324.970
Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Việt Long	6.108.373.827	6.148.373.827
Công ty Cổ phần Mai Vũ	1.666.620.000	5.004.477.320
XNXD3 - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị UDIC	6.440.269.832	6.440.269.832
- Công ty TNHH MTV		
Công ty CP Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	3.185.323.200	4.685.323.200
Các đối tượng khác	33.897.634.568	37.571.366.759
<b>Tổng</b>	<b>88.430.036.397</b>	<b>97.281.607.908</b>

Trong đó:

<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>5.525.687.248</b>	<b>3.127.725.541</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh 29.1)		

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>- Phải thu khách hàng</b>	<b>55.200.455.967</b>	<b>(55.200.455.967)</b>	<b>55.600.962.967</b>	<b>(55.600.962.967)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Điện máy Việt Long	6.148.373.827	(6.148.373.827)	6.148.373.827	(6.148.373.827)
Công ty Cổ phần vận tải TM và XNK Thiện Tài	24.353.472.000	(24.353.472.000)	24.353.472.000	(24.353.472.000)
Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	12.778.342.970	(12.778.342.970)	13.078.342.970	(13.078.342.970)
Các đối tượng khác	11.920.267.170	(11.920.267.170)	12.020.774.170	(12.020.774.170)
<b>- Trả trước cho người bán</b>	<b>5.518.599.530</b>	<b>(5.518.599.530)</b>	<b>5.518.599.530</b>	<b>(5.518.599.530)</b>
KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	(4.722.879.570)	4.722.879.570	(4.722.879.570)
Công ty Cổ phần xếp dỡ lắp đặt máy THL	218.000.000	(218.000.000)	218.000.000	(218.000.000)
Các đối tượng khác	577.719.960	(577.719.960)	577.719.960	(577.719.960)
<b>- Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(500.000.000)</b>
Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
<b>- Phải thu khác</b>	<b>7.605.405.448</b>	<b>(7.605.405.448)</b>	<b>7.940.456.682</b>	<b>(7.940.456.682)</b>
Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	(3.560.333.333)	3.560.333.333	(3.560.333.333)
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	750.730.349	(750.730.349)	750.730.349	(750.730.349)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	(2.816.668.586)	2.816.668.586	(2.816.668.586)
Các đối tượng khác	477.673.180	(477.673.180)	812.724.414	(812.724.414)
<b>Tổng</b>	<b>68.824.460.945</b>	<b>(68.824.460.945)</b>	<b>69.560.019.179</b>	<b>(69.560.019.179)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42.360.137.132</b>	<b>(6.377.001.919)</b>	<b>44.580.566.860</b>	<b>(6.377.001.919)</b>
Ký cược, ký quỹ	126.000.000	-	216.000.000	-
Tạm ứng	32.461.330.269	-	31.697.287.075	-
Phải thu khác	9.772.806.863	-	12.667.279.785	-
Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	(3.560.333.333)	3.560.333.333	(3.560.333.333)
CTCP Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	(2.816.668.586)	2.816.668.586	(2.816.668.586)
Phải thu khác	3.395.804.944	-	6.290.277.866	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.760.467.642</b>	<b>-</b>	<b>2.307.100.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	6.760.467.642	-	2.307.100.000	-
<b>Tổng</b>	<b>49.120.604.774</b>	<b>(6.377.001.919)</b>	<b>46.887.666.860</b>	<b>(6.377.001.919)</b>

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan	326.315.373	-	-	-
----------------------------	-------------	---	---	---

(Chi tiết tại Thuyết minh 29.1)

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	28.658.800	-	40.210.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.938.080.352	-	2.793.864.185	-
<b>Tổng</b>	<b>2.966.739.152</b>	<b>-</b>	<b>2.834.074.325</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.337.265.357</b>	<b>1.680.303.604</b>
Công cụ dụng cụ	248.292.844	-
Chi phí chờ phân bổ	1.088.972.513	1.680.303.604
<b>Dài hạn</b>	<b>3.733.311.378</b>	<b>3.147.018.074</b>
Công cụ dụng cụ	875.400.562	1.975.296.599
Tiền đền bù hoa màu xã Sơn Đồng (ICD Đức Thượng)	255.408.549	260.940.861
Chi phí giới thiệu cảng ICD Đức Thượng	811.394.957	811.394.957
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.791.107.310	99.385.657
<b>Tổng</b>	<b>5.070.576.735</b>	<b>4.827.321.678</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.825.791.353</b>	<b>16.590.758.592</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	5.336.785.750	5.336.785.750
KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	4.722.879.570
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	1.203.742.500	1.203.742.500
Các đối tượng khác	3.562.383.533	5.327.350.772
<b>Tổng</b>	<b>14.825.791.353</b>	<b>16.590.758.592</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**10.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	130.076.538.592	15.105.056.887	8.521.784.136	613.532.240	422.064.969	154.738.976.824
Tăng trong kỳ	4.356.173.452	277.777.779	-	-	96.000.000	4.729.951.231
Mua trong kỳ	-	277.777.779	-	-	63.000.000	340.777.779
XDCB hoàn thành	4.356.173.452	-	-	-	-	4.356.173.452
Phân loại lại	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	453.000.000	-	-	453.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	420.000.000	-	-	420.000.000
Phân loại lại	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>134.432.712.044</b>	<b>15.382.834.666</b>	<b>8.068.784.136</b>	<b>613.532.240</b>	<b>518.064.969</b>	<b>159.015.928.055</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	91.958.335.104	8.972.216.636	6.391.238.146	402.920.343	238.085.376	107.962.795.605
Tăng trong kỳ	2.311.015.055	634.884.335	233.862.168	66.023.616	60.813.892	3.306.599.066
Khấu hao trong kỳ	2.311.015.055	634.884.335	233.862.168	66.023.616	27.813.892	3.273.599.066
Phân loại lại	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	453.000.000	-	-	453.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	420.000.000	-	-	420.000.000
Phân loại lại	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>94.269.350.159</b>	<b>9.607.100.971</b>	<b>6.172.100.314</b>	<b>468.943.959</b>	<b>298.899.268</b>	<b>110.816.394.671</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2024	38.118.203.488	6.132.840.251	2.130.545.990	210.611.897	183.979.593	46.776.181.219
Tại 30/6/2024	40.163.361.885	5.775.733.695	1.896.683.822	144.588.281	219.165.701	48.199.533.384

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10.2 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	1.044.981.600	1.044.981.600
Tăng trong kỳ	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>1.044.981.600</u>	<u>1.044.981.600</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	844.313.359	844.313.359
Tăng trong kỳ	56.958.176	56.958.176
Khấu hao trong kỳ	56.958.176	56.958.176
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>901.271.535</u>	<u>901.271.535</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2024	<u>200.668.241</u>	<u>200.668.241</u>
Tại 30/6/2024	<u>143.710.065</u>	<u>143.710.065</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dự án đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (*)	263.939.992.518	244.389.778.922
Dự án đầu tư xây dựng trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng (**)	1.964.526.639	1.964.526.639
Xây dựng cơ bản dở dang khác	3.593.610.747	2.758.513.194
<b>Tổng</b>	<u>269.498.129.904</u>	<u>249.112.818.755</u>

(\*) Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội được khởi công xây dựng vào tháng 02 năm 2017 với Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.720,931 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ tháng 02/2017 đến quý 4/2024. Đến thời điểm hiện tại, Dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng.

(\*\*) Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**12.1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	65.727.821.601	69.712.905.954
Đầu tư vào đơn vị khác	166.510.480.470	165.087.344.877
	<b>232.238.302.071</b>	<b>234.800.250.831</b>

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

	<b>30/6/2024 (VND)</b>		<b>01/01/2024 (VND)</b>	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	91.497.160.581	65.727.821.601	91.829.554.716	69.712.905.954
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	754.000.000	765.728.218	754.000.000	754.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	9.594.973.518	545.092.358	9.594.973.518	545.092.358
Công ty May liên doanh Plummy (i)	3.920.787.063	-	3.920.787.063	-
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên hợp	9.800.000.000	5.004.014.147	9.800.000.000	4.614.519.387
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	3.060.000.000	1.300.262.506	3.060.000.000	1.657.834.694
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30.550.000.000	30.552.066.244	30.882.394.135	30.882.394.135
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	20.000.000.000	19.887.047.696	20.000.000.000	19.888.816.836
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	3.920.000.000	4.365.022.760	3.920.000.000	3.920.000.000
Trường trung cấp nghề nhân lực quốc tế Hà Nội	9.897.400.000	3.308.587.672	9.897.400.000	7.450.248.544
<b>Tổng</b>	<b>91.497.160.581</b>	<b>65.727.821.601</b>	<b>91.829.554.716</b>	<b>69.712.905.954</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**12.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

	30/6/2024 VNĐ	01/01/2024 VNĐ
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>166.510.480.470</b>	<b>165.087.344.877</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (1)	43.719.756.997	43.719.756.997
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (2)	6.058.759.158	4.639.659.158
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 1	22.632.000.000	22.632.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan	811.691	865.389
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	82.500.000.000	82.500.000.000
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	5.865.300.000	5.865.300.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán ING T MICE NGUYỄN	4.089.291	-
Công ty Cổ phần Ô tô Con Đường mới	5.729.763.333	5.729.763.333
<b>Tổng</b>	<b>166.510.480.470</b>	<b>165.087.344.877</b>

(1) Đến thời điểm 30/06/2024, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Logistics hàng không là 6.161.632 Cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

(2) Đến thời điểm 30/06/2024, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG là 709.552 Cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

**13. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.000.000.000</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	7.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>8.000.000.000</b>	-	-	-
Trong đó:				
Phải thu các bên liên quan	7.500.000.000	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.794.259.476</b>	<b>7.794.259.476</b>	<b>9.946.729.468</b>	<b>9.946.729.468</b>
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	-	-	1.358.046.000	1.358.046.000
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.289.326.060	1.289.326.060	1.242.880.250	1.242.880.250
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	277.128.600	277.128.600	2.075.976.000	2.075.976.000
Công ty TNHH Logistics XNK	755.200.000	755.200.000	1.391.300.000	1.391.300.000
Các đối tượng khác	5.472.604.816	5.472.604.816	3.878.527.218	3.878.527.218
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.655.445.480</b>	<b>4.655.445.480</b>	<b>4.462.999.200</b>	<b>4.462.999.200</b>
Changlin Company Limited	4.655.445.480	4.655.445.480	4.462.999.200	4.462.999.200
<b>Tổng</b>	<b>12.449.704.956</b>	<b>12.449.704.956</b>	<b>14.409.728.668</b>	<b>14.409.728.668</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.289.326.060</b>	<b>1.289.326.060</b>	<b>1.242.880.250</b>	<b>1.242.880.250</b>

(Chi tiết tại Thuyết minh 29.1)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
	<b>Phải nộp</b>	<b>761.834.107</b>	<b>12.135.829.415</b>	<b>11.078.803.106</b>
Thuế giá trị gia tăng	349.088.005	2.714.021.005	2.403.906.627	659.202.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.373.914	733.389.593	640.510.229	454.253.278
Thuế thu nhập cá nhân	51.372.188	683.213.466	564.076.505	170.509.149
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	7.816.787.074	7.281.891.468	534.895.606
Lệ phí môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	170.418.277	170.418.277	-
<b>Phải thu</b>	<b>946.655.071</b>	<b>-</b>	<b>288.613.447</b>	<b>1.235.268.518</b>
Thuế XNK	37.758.123	-	-	37.758.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	815.538.025	-	32.712.659	848.250.684
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	86.454.906	86.454.906
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	93.358.923	-	167.945.882	261.304.805
Lệ phí môn bài	-	-	1.500.000	1.500.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.066.620.616</b>	<b>8.509.003.544</b>
Lãi vay phải trả	9.260.631.341	7.473.032.532
Chi phí phải trả khác	805.989.275	1.035.971.012
<b>Tổng</b>	<b>10.066.620.616</b>	<b>8.509.003.544</b>
<b>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 29.1)	<b>160.891.606</b>	<b>99.452.693</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>125.271.736.430</b>	<b>149.567.056.796</b>
Kinh phí công đoàn	113.932.174	76.623.024
Bảo hiểm xã hội	91.624.983	-
Bảo hiểm y tế	7.261.488	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.128.112	-
- Hợp tác kinh doanh	1.420.950.000	1.420.950.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.420.950.000	1.420.950.000
- Lãi vay phải trả	25.764.872.827	25.764.872.827
+ Ngân hàng Phát triển VN-Sở GD I-Phòng GD Hà Đông	189.545.619	189.545.619
+ Ngân hàng Nông nghiệp Hoài Đức	94.250.000	94.250.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (2)	25.481.077.208	25.481.077.208
- Các khoản phải trả liên quan giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 Phạm Hùng	95.118.788.118	95.118.788.118
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (1)	45.203.127.617	45.203.127.617
+ Công ty cổ phần Logistics Hàng Không (1)	35.493.704.528	35.493.704.528
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	3.114.611.124	3.114.611.124
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình (1)	11.307.344.849	11.307.344.849
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.751.178.728	2.438.188.990
<b>Dài hạn</b>	<b>67.102.911.525</b>	<b>54.967.070.710</b>
Phải trả dài hạn khác	67.102.911.525	54.967.070.710
<b>Tổng</b>	<b>192.374.647.955</b>	<b>204.534.127.506</b>

(1): Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính Hà Nội và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)**

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.114.611.124	10.976.886.279	1.349.462.407
<b>Cộng</b>	<b>11.307.344.849</b>	<b>3.114.611.124</b>	<b>35.493.704.528</b>	<b>45.203.127.617</b>

(\*) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(2) Xem thuyết minh số 19.1 phần thuyết minh Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>92.762.895.804</b>	<b>92.762.895.804</b>	<b>4.970.000.000</b>	<b>4.753.630.775</b>	<b>92.546.526.579</b>	<b>92.546.526.579</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I - Phòng Giao dịch Hà Đông (1)	499.953.917	499.953.917	-	-	499.953.917	499.953.917
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	400.000.000	400.000.000	-	357.141.000	757.141.000	757.141.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	4.151.347.357	4.151.347.357	-	1.549.989.775	5.701.337.132	5.701.337.132
Bà Đào Thị Kim Oanh (2)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Bà Phạm Thị Mai Phương (3)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn (4)	76.090.993.151	76.090.993.151	-	-	76.090.993.151	76.090.993.151
Ông Dương Hoài Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000
Bà Lê Thị Phương	150.000.000	150.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000
Ông Vương Quốc Thắng	550.000.000	550.000.000	-	350.000.000	900.000.000	900.000.000
Trương Quang Lượng	-	-	-	810.000.000	810.000.000	810.000.000
Phùng Tiến Toàn	810.000.000	810.000.000	-	-	810.000.000	810.000.000
Tăng Minh Ngọc	135.000.000	135.000.000	-	-	135.000.000	135.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.283.500.000	3.283.500.000	4.200.000.000	916.500.000	-	-
Trung tâm Mỹ thuật và Phát triển văn hóa Các đối tượng khác	-	-	770.000.000	770.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>111.700.002</b>	<b>111.700.002</b>	<b>-</b>	<b>111.700.002</b>	<b>223.400.004</b>	<b>223.400.004</b>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	111.700.002	111.700.002	-	111.700.002	223.400.004	223.400.004
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.539.883.323</b>	<b>3.539.883.323</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.539.883.323</b>	<b>3.539.883.323</b>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	539.883.323	539.883.323	-	-	539.883.323	539.883.323
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (6)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>96.414.479.129</b>	<b>96.414.479.129</b>	<b>4.970.000.000</b>	<b>4.865.330.777</b>	<b>96.309.809.906</b>	<b>96.309.809.906</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(1) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tư tằm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Tây) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Đào Thị Kim Oanh chi tiết từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay tiền số 04/2022/HĐVV/ILS-ĐTKO ngày 21/3/2022; Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay là 6 tháng; Lãi suất là 7%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

- Hợp đồng vay tiền số 06/2022/HĐVV/ILS-ĐTKO ngày 27/5/2022; Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay là 6 tháng; Lãi suất là 7%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/01/2023 số tiền vay thêm là 500.000.000 đồng.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng số 01/2023/HĐVV/ILS-PTMP ngày 4/4/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Phạm Thị Mai Phương; Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 3 tháng; Lãi suất là 15,5%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 3 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT ngày 10/3/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Ông Nguyễn Minh Tuấn; Số tiền vay: 74.250.000.000 đồng; Thời hạn vay là 6 tháng; Lãi suất là 5%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

(5) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 817900011095 ngày 17/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng - Phòng giao dịch Mỹ Đình; Giá trị tối đa của khoản vay là 1.117.000.000 đồng; Thời hạn vay là 5 năm; Lãi suất trong hạn là 7.5%/năm; Tài sản đảm bảo là xe ô tô Ford biển số 30H-706.52.

(6) Khoản vay theo Hợp đồng số 02/2023/HĐVV/ILS-ILST ngày 25/7/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam; Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 24 tháng; Lãi suất là 7%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>360.000.000.000</b>	<b>(78.226.727.039)</b>	<b>69.699.665.015</b>	<b>351.472.937.976</b>
Lãi trong năm trước	-	3.126.387.263	2.304.005.286	5.430.392.549
Chia trả cổ tức	-	(1.424.457.070)	(379.437.214)	(1.803.894.284)
Thanh lý công ty con	-	(184.548.261)	(25.880.000.000)	(26.064.548.261)
Thù lao HĐQT, BKS	-	(333.000.000)	-	(333.000.000)
Tăng/giảm do hợp nhất	-	2.953.335.714	3.994.694.832	6.948.030.546
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>360.000.000.000</b>	<b>(74.089.009.393)</b>	<b>49.738.927.919</b>	<b>335.649.918.526</b>
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>360.000.000.000</b>	<b>(74.089.009.393)</b>	<b>49.738.927.919</b>	<b>335.649.918.526</b>
Lãi trong năm nay	-	1.328.733.680	1.154.377.012	2.483.110.692
Chia trả cổ tức	-	-	(1.487.251.355)	(1.487.251.355)
Tăng/giảm do hợp nhất	-	(3.658.878.201)	(61.910.784)	(3.720.788.985)
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>360.000.000.000</b>	<b>(76.419.153.914)</b>	<b>49.344.142.792</b>	<b>332.924.988.878</b>

Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định”. Đến thời điểm 30/06/2023, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên đang đợi Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Vốn góp của Nhà nước	162.000.000.000	45,00%	162.000.000.000	45,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	198.000.000.000	55,00%	198.000.000.000	55,00%
+ Công ty CP Logistics Hàng không	97.200.000.000	27,00%	97.200.000.000	27,00%
+ Đối tượng khác	100.800.000.000	28,00%	10.484.970.000	28,00%
	<b>360.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>360.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**19.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

**19.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2024 CP	01/01/2024 CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Đô la Mỹ (USD)	2.057,08	2.045,45
Yên Nhật (JPY)	882.565,24	883.291,96
Nhân dân tệ (CNY)		190.293

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.988.203.923	62.579.775.633
Doanh thu bán hàng hóa	1.092.624.079	18.827.995.347
<b>Tổng</b>	<b><u>74.080.828.002</u></b>	<b><u>81.407.770.980</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu với các bên liên quan:</b> (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1) (Chi tiết tại Thuyết minh 29.1)	<b>195.643.152</b>	<b>2.949.755.155</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	(467.282.212.491)	48.914.962.804
Giá vốn hàng hóa đã bán	522.633.064.884	18.632.862.440
Giá vốn hoạt động khác	5.310.638.704	-
<b>Tổng</b>	<b><u>60.661.491.098</u></b>	<b><u>67.547.825.244</u></b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.283.167.461	337.307.773
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá phát sinh trong kỳ	-	5.145.172
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.871.582.000
<b>Tổng</b>	<b><u>1.283.167.461</u></b>	<b><u>3.214.034.945</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</b>	<b>107.211.033</b>	<b>159.328.765</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền vay	2.053.675.448	2.477.743.960
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	190.482.386	35.589.766
Dự phòng đầu tư tài chính	-	38.400.000
<b>Tổng</b>	<b>2.244.157.834</b>	<b>2.551.733.726</b>

Trong đó:

Chi phí tài chính với các bên liên quan: -

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	-	<b>1.115.263.595</b>
Chi phí nhân viên quản lý	-	629.683.792
Chi phí bằng tiền khác	-	485.579.803
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10.832.568.702</b>	<b>21.459.397.960</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.139.000.808	6.529.848.044
Chi phí đồ dùng văn phòng	732.792.378	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	452.782.554	-
Thuế phí và lệ phí	511.227.706	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.442.790	-
Chi phí bằng tiền khác	1.101.322.466	14.929.549.916
<b>Tổng</b>	<b>10.832.568.702</b>	<b>22.574.661.555</b>

**26. THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC**

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản cố định hữu hình	637.272.727	710.454.545
Thu nhập khác	308.009.142	826.488
<b>Tổng</b>	<b>945.281.869</b>	<b>711.281.033</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm về thuế	413.862.952	228.422.669
Giá trị còn lại, chi phí từ thanh lý tài sản	-	286.727.274
Chi phí khác	13.162.251	10.006.562
<b>Tổng</b>	<b>427.025.203</b>	<b>525.156.505</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)</b>	<b>518.256.666</b>	<b>186.124.528</b>

**27. LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2023 VND
Ban Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	Lương và thù lao	1.326.275.575	1.603.493.869

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	46.187.839	-
<b>Tổng</b>	<b>46.187.839</b>	<b>-</b>

**29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Công ty liên kết
Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	Công ty liên kết gián tiếp

**29.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết</b>
			<b>thúc ngày</b>	<b>thúc ngày</b>
			<b>30/06/2024</b>	<b>30/06/2023</b>
<b>Bán hàng</b>			<b>195.643.152</b>	<b>2.949.755.155</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết		41.109.580	105.148.540
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết		8.916.560	44.470.480
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	Công ty liên kết gián tiếp		36.000.000	1.900.136.135
Công ty CP Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp		24.000.000	900.000.000
CTCP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết		85.617.012	-
<b>Mua hàng</b>			<b>33.000.000</b>	<b>33.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Thuê văn phòng	33.000.000	33.000.000
<b>Cho vay</b>			-	-
<b>Thu hồi gốc cho vay</b>			-	-
<b>Lãi cho vay</b>			<b>107.211.033</b>	<b>159.328.765</b>
Công ty cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết	Lãi cho vay	107.211.033	159.328.765
<b>Cổ tức được chia</b>			<b>954.200.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	916.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	37.700.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND (Trình bày lại)
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>5.525.687.248</b>	<b>3.127.725.541</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết		2.839.665.943	620.000.000
CTCP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết		2.135.162.479	2.131.686.972
CTCP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết		21.062.354	43.585.954
CTCP Chuỗi cung ứng Liên Hợp	Công ty liên kết		3.058.715	4.066.009
CTCP Bê Tông Sơn Tây	Công ty liên kết		126.053.031	
CTCP Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết		400.684.726	328.386.606
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			<b>326.315.373</b>	-
Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khác	326.315.373	-
<b>Phải thu về cho vay</b>			<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết	Cho vay	7.500.000.000	7.500.000.000
<b>Phải trả người bán</b>			<b>1.289.326.060</b>	<b>1.242.880.250</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	1.289.326.060	1.242.880.250
<b>Chi phí phải trả</b>			<b>160.891.606</b>	<b>99.452.693</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	152.438.913	91.000.000
		Phải trả khác	8.452.693	8.452.693

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên A) và Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép dự án đầu tư, xây dựng và quản lý dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams trên khu đất khoảng 38.000 m<sup>2</sup> tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp cổ phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Thủy Trang. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (Hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ".

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 kết thúc ngày 30/06/2023.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương



DỊCH VỤ QUỐC TẾ